

Một số Mô típ tiêu biểu trong truyện kể dân gian về sự tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc

Triệu Minh Thùy
Phòng Tổ chức-Công tác HSSV
email: minhthuy0203@gmail.com

I. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Nghiên cứu nhóm truyện kể dân gian về sự tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc, chúng tôi nhận thấy không chỉ chú trọng vào nội dung của các nhóm truyện mà còn cần phải xem xét các yếu tố nghệ thuật trong từng truyện kể. Các yếu tố nghệ thuật bao gồm: hệ thống nhân vật, các kiểu kết cấu, các mô típ tiêu biểu... để làm rõ hơn mối quan hệ về mặt nội dung và hình thức truyện kể phong tục của người Nùng. Trong phạm vi bài nghiên cứu, chúng tôi tập trung nghiên cứu vấn đề: “*Một số Mô típ tiêu biểu trong truyện kể dân gian về sự tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc*”.

II. NỘI DUNG:

1. Thuật ngữ “Mô típ”

Thuật ngữ “*mô típ*” cho đến nay đã được các nhà nghiên cứu văn hóa, văn học dân gian nói chung, truyện kể dân gian nói riêng sử dụng. Trong các khái niệm về “*mô típ*” chúng tôi chú ý đến quan niệm của nhà nghiên cứu S.Thompson: “*Mô típ truyện kể đôi khi gồm những khái niệm rất đơn giản vẫn tiếp tục được giữ lại trong truyện kể truyền thống. Đây có thể là những tạo vật thường như cô tiên, phù thủy, rồng, yêu tinh, dì ghê độc ác, con vật biết nói...cũng có thể gồm những vật thể lạ thường....Cần phải ghi nhớ rằng, để trở thành một bộ phận thật sự của truyền thống, thì một yếu tố phải có cái gì đó làm cho người ta nhớ và được nhắc đi nhắc lại: Nó phải là một cái gì đó khác hơn sự chung chung....*” [2, tr.153].

Có thể nói, khi nghiên cứu truyện kể dân gian về sự tích phong tục của người Nùng, mô típ được xem là một yếu tố để hình thành nên cốt truyện, giúp người nghiên cứu khai thác sâu những yếu tố tạo nên tính ổn định, bền vững được sử dụng nhiều lần trong các tác phẩm truyện dân gian. Nó hướng các nhà nghiên cứu khám phá từ hình thức nghệ thuật để thấy được nội dung được phản ánh trong hình thức ấy. Bởi vậy, mô típ được các nhà nghiên cứu Folklore xem như là đơn vị hạt nhân góp phần hình thành nên truyền thống tự sự trong văn học dân gian. Khi khảo sát về sự tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc, người viết thấy có một số mô típ cơ bản được sử

dụng trong việc thể hiện chủ đề của truyện kể đó là: *Mô típ thờ cúng thần linh; Mô típ hóa thân; Mô típ tình yêu bị ngăn cấm*

2. Một số mô típ tiêu biểu trong truyện kể dân gian về sự tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc

2.1. Mô típ thờ cúng thần linh

Mô típ thờ cúng thần linh là một trong những mô típ tiêu biểu, điển hình mang tính đặc trưng trong hệ thống truyện kể dân gian về sự tích phong tục của người Nùng, hướng tới suy tôn những đối tượng có công bảo vệ làng bản, bảo vệ con người và các loài vật nuôi của họ. Thờ cúng thần linh theo quan niệm của người Nùng thực chất là sự thờ phụng của nhân dân hướng tới đối tượng là các Fji lành, thể hiện đậm nét tín ngưỡng thờ cúng thần linh của họ. Mô típ thờ cúng thần linh trong truyện người Nùng được phản ánh trong các truyện sau:

Bảng 2.1: Thống kê mô típ thờ cúng thần linh trong truyện kể sự tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc

Tên Mô típ	Đối tượng được thờ cúng	Biểu hiện
<i>Mô típ thờ cúng thần linh</i>	- Bốn anh em	- Đã chiến đấu và hi sinh anh dũng để đem lại sự bình yên cho bản mường nên khi chết được dân làng thờ cúng.
	- Fji Tâu láng	- Được thờ cúng để bảo vệ sức khỏe cho các loài vật nuôi trong gia đình.
	- Fji thang chàn	- Được thờ cúng để cai quản đất đai của từng hộ gia đình, được thờ ngay trong sân mỗi gia đình.
	- Bà già Ho	- Bà già Ho xuất hiện ban những điều tốt đẹp cho dân bản vào mùng một tháng Giêng âm lịch hàng năm nên dân làng tôn bà làm Thành Hoàng làng và xây đình thờ.
	- Lão thờ rèn già	- Lão thờ rèn đã truyền nghề rèn cho người dân nên khi chết họ thờ cúng ông để tưởng nhớ người có công truyền bá nghề rèn rộng rãi.
	- Ông Trời, cây	- Ông Trời và cây chuối là thần phù hộ - bảo mệnh

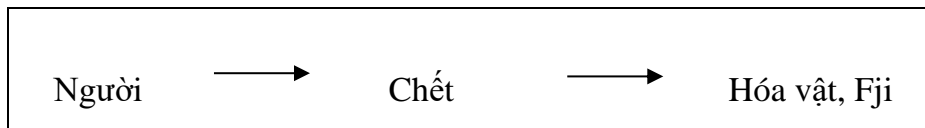
Tên Mô típ	Đối tượng được thờ cúng	Biểu hiện
	chuối	giúp người Nùng thoát khỏi sự truy sát của giặc Hán.
	- Thần Rừng	- Thần Rừng đã che chở, phù hộ, bảo vệ cho con người trước thiên nhiên rộng lớn, tránh những điều rủi ro nên người Nùng thờ cúng thần Rừng.

Nhìn vào bảng thống kê trên, người viết xác định được mô típ thờ cúng thần linh là mô típ trung tâm, cơ bản làm nên kết cấu, cốt truyện của các truyện: “*Chuyện về bốn anh em (Sự tích miếu Nà To)*”, “*Fji Tảu làng*”, “*Truyện thuyết giải thích nguồn gốc ra đời nghề rèn ở Phia Chang*”, “*Fji thang chàn (ma ngoài sà)*”, “*Thành hoàng làng Bản Dạt*”, “*Truyện thuyết về lễ hội cúng rừng*”, “*Truyện thuyết lễ hội mừng một tháng Bảy*”. Cùng với niềm tin tâm linh và tín ngưỡng đa thần, mô típ thờ cúng thần linh trong truyện kể sự tích phong tục của người Nùng được hiện diện một cách phong phú, đa dạng gắn liền với nhiều phong tục thờ cúng của họ. “*Chuyện về bốn anh em (Sự tích miếu Nà To)*” mô típ thờ cúng thần linh gắn liền với tục thờ thổ công (Fji bản); Truyện “*Fji Tảu làng*” gắn với tục cúng ma chuồng trại, “*Truyện thuyết giải thích nguồn gốc ra đời nghề rèn ở Phia Chang*” gắn với tục thờ tổ sư nghề; Truyện “*Fji thang chàn*” gắn liền với tục thờ ma ngoài sà, Truyện “*Thành hoàng làng Bản Dạt*” gắn liền với tục thờ Thành Hoàng làng, Truyện “*Truyện thuyết về lễ hội cúng rừng*”, “*Truyện thuyết lễ hội mừng một tháng bảy*” gắn liền với tục thờ các nhiên thần. Mô típ thờ cúng thần linh hướng tới đối tượng thờ cúng là những Fji của cả cộng đồng làng bản cũng như những Fji của riêng từng gia đình người Nùng.

Mô típ thờ cúng thần linh trong những truyện trên là kết quả tất yếu sau những biểu hiện thể hiện chiến tích, công lao và đóng góp của các đối tượng được thờ cúng đối với sự phát triển của cộng đồng người Nùng (**Bảng 2.1**). Chính vì vậy, mô típ này được xuất hiện ở cuối mỗi truyện kể về phong tục, đánh dấu sự hoàn thiện kết cấu, cốt truyện của truyện kể. Đồng thời thể hiện thái độ kính cẩn, trân trọng, biết ơn đối với những đối tượng được thờ cúng, được suy tôn bằng những nghi thức thờ cúng. Với mỗi đối tượng thờ cúng khác nhau sẽ có những nghi thức thờ cúng khác nhau. Mô típ thờ cúng thần linh được dân gian sử dụng không chỉ làm nổi bật được nguồn gốc phong tục thờ cúng của người Nùng mà còn rất ý nghĩa khi chúng chứa đựng những bài học đạo đức, những triết lí nhân sinh sâu sắc.

2.2. Mô típ hóa thân

Mô típ hóa thân là mô típ quen thuộc thường thấy trong các truyện kể về sự tích. Nó đóng một vai trò hết sức quan trọng, giúp hoàn thiện cốt truyện, tạo nên sự hứng thú, thu hút người nghe bởi những chi tiết biến hóa ly kì, hấp dẫn. Đồng thời nó góp phần quan trọng trong việc lý giải một phong tục, một sự việc hay một hiện tượng nào đó trong đời sống sinh hoạt của con người. Ta có thể bắt gặp hình ảnh cô Tấm (Tấm Cám/ Kinh) hóa thân thành chim vàng anh, cây xoan đào, quả thị, Chàng Khun và nàng Ban (Huyền thoại hoa ban trắng/ Thái) biến thành loài hoa trắng muốt nở vào mùa xuân...Mô típ hóa thân được thể hiện qua nhiều phương diện khác nhau như: người biến hóa thành vật, vật biến hóa thành người với hai dạng: hóa thân tạm thời và hóa thân vĩnh viễn. Truyện kể dân gian về sự tích phong tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc, xuất hiện mô típ hóa thân vĩnh viễn một chiều từ người sang vật hoặc từ người hóa thân thành Fji được xuất hiện trong ba truyện: “*Cây nêu ngày Tết*”, “*Sự tích nhuộm màu chàm*” và “*Fji Tẩu lảng*” . Ta có thể sơ đồ hóa kiểu hóa thân này như sau:



Hình thức hóa thân vĩnh viễn là hình thức nhân vật sau khi hóa thân thì mãi mãi sẽ không bao giờ có thể biến hóa lại làm người được nữa. Trong truyện “*Cây nêu ngày tết*” Kim Tụ chết đi hóa thân thành con sâu và đến cuối truyện hóa thân thành cây trúc mọc xanh tươi đẹp đẽ phía trước sân. Hay ở trong truyện “*Sự tích nhuộm màu chàm*” hình thức hóa thân vĩnh viễn được thể hiện qua hình thức hóa thân của người vợ đi tìm chồng nơi chiến trường xa xôi, nàng kiệt sức, ngủ thiếp và chết đi, nơi nàng chết mọc lên một cây lạ có mùi thơm, màu bền, đẹp. Đó là cây chàm mà hiện nay đồng bào Nùng vẫn dùng để nhuộm quần áo. Truyện “*Fji Tẩu lảng*” người con dâu sau khi chết biến thành ma có nhiệm vụ coi sóc gia súc, gia cầm cho gia đình người Nùng. Như vậy, mô típ hóa thân ở ba truyện trên không phải là sự hóa thân trực tiếp từ người sang vật mà là sự hóa thân gián tiếp thông qua cái chết. Ở đây, cái chết không có nghĩa là chấm dứt hoàn toàn sự sống, mà cái chết chỉ là cái chết tạm thời về mặt thể xác, để rồi linh hồn sẽ được tái sinh trong một dạng thức khác và tiếp tục sự sống. Mô típ người hóa vật trong truyện kể dân gian có lẽ được bắt nguồn từ quy luật của cuộc sống con người cũng như vạn vật đều: sinh ra, lớn lên, chết đi và rồi lại được sinh ra. Người Nùng xưa, đã tưởng tượng ra sự hóa thân đó để lý giải cho nguồn gốc sự ra đời của cây

trúc gắn với tục trồng cây nêu trong ngày tết; cây chàm với tục nhuộm chàm màu quần áo và Fji *Tẩu làng* gắn với phong tục thờ cúng Fju *Tẩu làng*. Qua mô típ hóa thân, tác giả dân gian dường như muốn đem đến sự sống dài lâu cho nhân vật chứa đựng giá trị nhân văn sâu sắc đồng thời gửi gắm những triết lý nhân sinh, những quan niệm về cuộc sống của họ.

2.3. Mô típ tình yêu bị ngăn cấm

Tình yêu là đề tài quen thuộc trong văn học dân gian nói chung và truyện kể dân gian nói riêng. Đó là câu chuyện tình yêu đầy trắc trở của những đôi nam thanh nữ tú, trai tài gái sắc trong đó tình yêu bị ngăn cấm là một trong những thử thách phổ biến được các tác giả dân gian tạo nên cho nhân vật của mình trên con đường tìm kiếm sự hạnh phúc, sự tự do yêu đương. Rất nhiều chàng trai, cô gái trong truyện kể dân gian mặc dù đã đấu tranh đầy quyết liệt nhưng vẫn không vượt qua được những rào cản, ngăn cấm đó để được hưởng một cuộc sống hạnh phúc bên nhau. Mô típ này được xuất hiện trong hai truyện “*Nàng Sính và chúa làng*”, “*Sự tích chợ tình Khau Vai*”. Truyện “*Nàng Sính và chúa làng*” thể hiện tình yêu tha thiết, mãnh liệt giữa nàng Sính, chàng Minh nhưng lại bị chúa làng luôn tìm cách hãm hại và chia rẽ. Trước sức mạnh của thế lực tàn bạo của tên chúa làng, không sao cưỡng nổi, Sính và Minh đã gieo mình quỳn sinh tại giếng nước để hẹn ước giữ trọn một cuộc tình đẹp đẽ, thủy chung. Hay trong truyện “*Sự tích chợ tình Khau Vai*” sự khác biệt về phong tục tập quán, về đời sống đã khiến cho tình yêu của chàng Ba người dân tộc Nùng và cô Út xinh đẹp người Giáy có một kết thúc không viên mãn. Họ yêu nhau nhưng không thể đến được với nhau bởi khoảng cách giữa hai dân tộc. Mô típ tình yêu bị ngăn cấm phản ánh ý nghĩa xã hội và giá trị nhân văn sâu sắc. Truyện kể dân gian đã miêu tả một cách chi tiết, cụ thể những mâu thuẫn dường như không giải quyết được trong xã hội đó là những mâu thuẫn giữa kẻ giàu người nghèo, sự không tương xứng về quyền lực, địa vị trong xã hội, sự không tương xứng về phong tục tập quán... Mặt khác, thông qua mô hình kết cấu này tác giả dân gian muốn bóc trần những thế lực tàn bạo đã cản trở tình yêu đôi lứa. Một mặt, khẳng định những giá trị tốt đẹp trong tình yêu của họ. Đó là khát khao yêu và được yêu, họ yêu hết con tim và sẵn sàng đánh đổi cả sự sống để bảo vệ tình yêu đó. Điều đó lí giải vì sao dù mang âm hưởng bi kịch nhưng những truyện cổ này vẫn luôn hấp dẫn, luôn tìm được mỗi đồng cảm từ người nghe mọi thế hệ.

III. KẾT LUẬN:

Tóm lại, mô típ trong văn học dân gian là các khuôn mẫu và cấu trúc lặp lại trong các câu chuyện. Và chính những mô típ đặc trưng, tiêu biểu đã làm nên sự hấp dẫn và độc đáo của truyện. Các mô típ đặc trưng làm nên màu sắc độc đáo trong truyện trong truyện kể dân gian về sự tích phong tục của người Nùng ở miền núi phía Bắc là: *Mô típ thờ cúng thần linh; Mô típ hóa thân; Mô típ tình yêu bị ngăn cấm*. Chúng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng cốt truyện và truyền tải thông điệp văn hóa của một cộng đồng. Cả ba mô típ này đều xuất phát từ thực tế cuộc sống trong xã hội của đồng bào dân tộc Nùng. Qua những câu chuyện cổ tích, tác giả dân gian còn kín đáo thể hiện ước mơ về cuộc sống ấm no, bình an, nơi con người được hưởng giàu sang, lấy được người bạn đời lý tưởng, hôn nhân có tình yêu, hạnh phúc.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Bích Hà (2012), *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, Nxb Đại học Sư phạm, H.
2. Lê Bá Hán, Trần Đình Sử, Nguyễn Khắc Phi (đồng chủ biên) (2007), *Từ điển thuật ngữ văn học*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.
3. Kiều Thu Hoạch (2012), *Văn học dân gian người Việt góc nhìn thế loại*, Nxb Lao động, H.
4. Đinh Gia Khánh (chủ biên), Chu Xuân Diên, Võ Quang Nhơn (2006), *Giáo trình văn học dân gian Việt Nam*, NXBGD, H.
5. Vũ Anh Tuấn (1991), *Khảo sát cấu trúc và ý nghĩa một số tích truyện kể dân gian Tày ở vùng Đông Bắc Việt Nam*, Luận án Phó tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, Hà Nội.
6. Viện Văn học (2000), *Truyện cổ các dân tộc Việt Nam*, Nxb Đà Nẵng, H.
7. Phạm Thu Yến (2014), *Phân tích tác phẩm văn học dân gian theo đặc trưng thế loại*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, H.
8. PGS.TS. Phạm Thu Yến (chủ biên), Lê Minh Tâm, Lê Thị Hoàn (2012), *30 truyện kể về sự tích phong tục và địa danh*, Nxb Giáo dục Việt Nam, H.